

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN HIỆP HOÀ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BẮC GIANG

Bản án Số: 06 /2018/HS-ST

Ngày: 24 /01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ- TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Tám.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Đức Lâm.

2. Bà Ngô Thị Hồng Uyên.

- Thư ký phiên toà: bà Dương Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/ 01 / 2018, tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/HSST ngày 04 tháng 01 năm 2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXX-HSST ngày 10 tháng 01 năm 2018, đối với bị cáo :

Họ và tên: Nguyễn Văn D- sinh năm 1974, tại thôn Ng Tr xã H L huyện Hi H tỉnh B G;

Nơi cư trú: thôn Ng Tr xã H L huyện H H tỉnh B G; Nghề nghiệp: Làm ruộng;
Trình độ văn hóa : 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không ; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn K- sinh năm 1937 và bà: Nguyễn Thị C- sinh năm 1942; có vợ: Nguyễn Thị T- sinh năm 1976 và hai con; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: bản án số 53/2011/HSST, ngày 20/4/2011, Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép

chất ma túy”; bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2017 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang; có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

1. Chị Giáp Thị C - sinh 1963, không triệu tập.

HKTT: Khu 3, thị trấn Th, huyện H H, B G.

2. Chị Nguyễn Thị H – sinh 1984, không triệu tập.

HKTT: Khu 4, thị trấn Th, huyện H H, B G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cáo trạng số 64/KSĐT, ngày 24/ 8/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà truy tố Nguyễn Văn D về tội < Tàng trữ trái phép chất ma túy >, theo khoản 1 Điều 194 bộ luật hình sự 1999. Hành vi của bị cáo theo cáo trạng: Hồi 08 giờ 15 phút ngày 19/6/2017, tại khu vực ngã tư Biển thuộc Khu 3, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hoà, Công an thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hoà bắt quả tang Nguyễn Văn D có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ gồm: Thu giữ bên trong mũ lưỡi trai D đang đội trên đầu 01 (một) gói giấy (loại giấy viết học sinh) mặt ngoài có chữ màu đen, mặt trong có chữ màu xanh, bên trong có chứa chất cục bột màu trắng nghi là ma túy hêrôin (được niêm phong trong phong bì, ký hiệu là “QT”), D khai nhận đó là ma túy của Lê Văn B- sinh năm 1973 ở thôn L V, xã B L, huyện H H cho D buổi sáng cùng ngày để sử dụng. Ngoài ra còn thu giữ của D: 01 (một) mũ lưỡi trai màu nâu; 01 (một) chiếc điện thoại di động mặt trước có chữ Viettel, mặt sau màu cam.

Công an thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hoà đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Văn D, niêm phong vật chứng. Cùng ngày, công an thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hoà, đã chuyển hồ sơ, vật chứng và Nguyễn Văn D đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Hiệp Hoà để điều tra theo thẩm quyền .

Cùng ngày 19/6/2017, Cơ quan điều tra Công an huyện Hiệp Hoà đã tiến hành khám xét khẩn cấp tại gia đình Nguyễn Văn D và nhà Lê Văn B. Kết quả, không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn D khai nhận: Bản thân D là người nghiện ma túy heroine từ năm 2010, khoảng 03 giờ sáng ngày 19/6/2017, D đến

nhà Lê Văn B để trả xe mô tô Dân mượn của B (B là bạn D và là đối tượng nghiện ma túy). Khi D đến nhà B thì có B ở nhà. D ngồi chơi ở nhà B đến khoảng 07 giờ thì về, lúc này B cho D 01 gói giấy và nói “cho chú cái này để chú chơi”, D hiểu đó là ma túy. D cầm gói ma túy cất trong vành mũ lưỡi trai D đang đội trên đầu mục đích để sử dụng. Sau đó, B điều khiển xe mô tô chở D ra đường Tỉnh lộ 295 để đi xe bus về nhà. Khi ra đường Tỉnh lộ 295, B quay xe và đi về. D không đi về nhà mà bắt xe bus lên thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa chơi. Khi D xuống xe tại khu vực ngã tư Biên thuộc khu 3, thị trấn Thắng thì bị Công an thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đối với Lê Văn B, Cơ quan CSĐT Công an huyện Hiệp Hòa đã tiến hành xác minh nhưng B không có mặt ở địa phương, chưa lấy được lời khai của B. Cơ quan điều tra tách hành vi của Bình ra để xử lý sau.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Văn D, đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, vì bị cáo biết cất dấu ma túy trong người là vi phạm nhưng vẫn cố tình cất dấu trong mũ lưỡi trai đội trên đầu đi từ xã Bắc Lý lên Thị trấn Thắng, với quãng đường 9 đến 10 km và một thời gian nhất định, bị cáo bị bắt quả tang.

Ngày 19/6/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã trưng cầu giám định chất thu của D nghi là ma túy. Kết luận số 940/KL-PC54, ngày 20/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang; kết luận: *Chất cục bột màu trắng đựng trong 01 (một) gói giấy (loại giấy viết học sinh) mặt ngoài có chữ màu đen, mặt trong có chữ màu xanh là chất ma túy heroine, có trọng lượng (khối lượng) 0,295 gam.*

Về vật chứng: 01 chiếc điện thoại di động, 01 mũ lưỡi trai.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị áp dụng điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33 bộ luật hình sự 1999; điểm a và c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015; tuyên bố bị cáo phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy và phạt D từ 18 đến 20 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 19/6/2017. Về vật chứng của vụ án áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy 0,280 gam Hêrôin, tiêu hủy một mũ lưỡi trai màu nâu, trả bị cáo 01 điện thoại Viettel màu cam xong tạm giữ để thi hành án; không phạt bổ sung; buộc bị cáo chịu án phí HSST.

Bị cáo bào chữa: Không bào chữa, không tranh luận;

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo D đề nghị Hội đồng xét xử xử mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm về với gia đình và vợ con;

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai bị cáo và tự bào chữa của bị cáo, ý kiến của Kiểm sát viên; kết luận giám định, lời khai nhân chứng có trong hồ sơ và vật chứng thu được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Văn D đã một lần bị xử 30 tháng tù cùng về tội phạm này, bị cáo nhận thức được việc cất dấu trong người chất ma túy là phạm tội; khi được Lê Văn B(bị cáo khai) đưa cho 01 gói thì bị cáo đã biết đó là ma túy, bị cáo đã biết sợ nên đã cất dấu vào trong mũ lưỡi chai mà bị cáo đang đội; từ khi cất dấu đến khi bị bắt với thời gian và khoảng cách tương đối dài, kết luận giám định đó là ma túy Hêrôin có trọng lượng 0,295 gam. Như vậy, lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn D tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai nhân chứng vụ án, tang vật chứng thu được và kết luận giám định. Xét đã có đủ cơ sở kết luận cho Nguyễn Văn D phạm vào tội < Tàng trữ trái phép chất ma túy >, việc Viện kiểm sát truy tố- Tòa án nhân dân Hiệp Hoà đưa ra xét xử hôm nay theo khoản 1 điều 194 bộ luật hình sự 1999, là hoàn toàn đúng người- đúng tội và đúng pháp luật .

Hành vi phạm tội của Nguyễn Văn D là nguy hiểm cho xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, trực tiếp xâm hại đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà Nước về chất gây nghiện- ma túy, làm mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang dao động và làm bất bình trong quần chúng nhân dân. Ma túy được xác định là hiểm họa của xã hội mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân đang quyết tâm đấu tranh bài trừ tệ nạn này. Việc tàng trữ trái phép chất ma túy để người sử dụng có thể dẫn đến sự chết người, làm lây nhiễm căn bệnh thế kỷ HIV, làm suy đồi đạo đức xã hội và suy thoái giống nòi, làm tan vỡ hạnh phúc gia đình và là nguồn gốc phát sinh của nhiều loại tội phạm khác; bị cáo đã trở thành một con nghiện ma túy từ năm 2009. Nay với mục đích để cai nghiện cho bị cáo, cải tạo bị cáo thành công dân tốt sau này phục vụ cho gia đình, xã hội, thì cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận

thức rõ tính nguy hiểm của hành vi phạm tội nhưng đã cố ý phạm tội; lượng ma túy bị cáo tàng trữ mức ngay trên mức khởi điểm quy định của khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự 1999. Cần phải xử nghiêm đối với bị cáo mới có tác dụng đấu tranh bài trừ tệ nạn ma túy này và cũng để răn đe, phòng ngừa chung ngoài xã hội. Nay cần có bản án và hình phạt, cách ly ra khỏi xã hội với D mới có tác dụng giáo dục cho bị cáo để thành công dân tốt sau này và cũng là phòng ngừa chung ngoài xã hội.

Khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự 1999 quy định “ Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và có hiệu lực ngày 01/01/2018; Nghị quyết 144 của Quốc Hội giao cho Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành điểm a và điểm b khoản 4 Điều 1 Nghị quyết về các quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự 2015; Tòa án nhân dân tối cao công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/9/2016 hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015, ban hành kèm theo danh mục, trong danh mục có Điều 249 tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”, khoản 1 quy định hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm; như vậy khi quyết định hình phạt với Nguyễn Văn D sẽ áp dụng trong khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù.

[2] Về tình tiết tăng nặng: Mặc dù bản án số 53/2011/HSST ngày 20/4/2011 Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh xử phạt D 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” D chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa thi hành hình phạt bổ sung và án phí chưa được xóa án tích; nhưng điều 249 Bộ luật hình sự 2015 quy định cấu thành tội, điểm a “ Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”; đây là quy định có lợi, do đó bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 1999.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bố để bị cáo có công được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng 1. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 điều 46 Bộ luật Hình sự 1999.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nhiều giảm nhẹ ở khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; nay cần thiết giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi lượng hình và nên xử D mức 18 tháng tù là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 194 Bộ luật Hình sự “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm, bị cáo không có chức vụ, không nghề cố định chỉ làm nông nghiệp”; Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm ruộng mức thu nhập thấp, không có tài sản giá trị, mức thu nhập tại địa phương bình quân 15.000.000 đồng một người trên một năm, bị cáo là con nghiện và tiền phạt bổ sung, án phí bản án trước còn chưa thi hành. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng:

Khi bị bắt bị cáo có bị thu 01 điện thoại di động Viettel màu cam, không liên quan đến tội phạm, được xác định là tài sản hợp pháp của bị cáo nên cần trả bị cáo nhưng tạm giữ để thi hành án; chiếc mua lưỡi chai là vật mà bị cáo cất dấu ma túy ở đó, tuy không có giá trị nhưng cũng cần tịch thu tiêu hủy; Sổ ma túy mà bị cáo tàng trữ, đã được niêm phong nay cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo pháp luật.

[7] Hội đồng xét xử ra quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án, để đảm bảo việc thi hành án.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Bị cáo được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của BL TTHS.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố Nguyễn Văn D phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự 1999; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a-b khoản 4 điều 1 và khoản 3 điều 7 Nghị quyết Quốc Hội số 144 ngày 29/6/2016; điểm a và c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt Nguyễn Văn D 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam, ngày 19/6/2017.

[2] Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả bị cáo Nguyễn Văn D 01 điện thoại di động nhãn Viettel mặt sau màu cam, nhưng được tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án; Tịch thu tiêu hủy 01 mũ lưỡi chai màu nâu, một phong bì thư đựng vật chứng là ma túy.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

[4] Nghĩa vụ thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 331, Điều 333, Điều 336, Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự;

Báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bản án được hội đồng xét xử thảo luận tại phòng nghị án, nhất trí thông qua, biểu quyết 3/3.

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

Trương Đức Lâm Ngô Thị Hồng Uyên

Trần Văn Tám

